

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KHÁNH SƠN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: **16/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 10 - 10 - 2024

Về việc: “*Tranh chấp chia tài sản  
sau khi ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH SƠN, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ngọc Duyên

2. Bà Vy Thị Hoàng Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 (thụ lý bổ sung ngày 15/8/2024) về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị K, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH. Có mặt.

\* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH. Có mặt.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 25 N, phường B, Quận X, Thành phố M.

Người Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Phúc L, sinh năm: 1994; Địa chỉ: 109 Đại lộ Hùng Vương, phường C, thành phố C, tỉnh KH. Có mặt.

2. Cháu Nguyễn Trúc L, sinh năm: 2007

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH. Cháu L vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Trúc L: bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Văn M. Đều có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Văn M ly hôn theo Bản án số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện K nhưng chúng tôi chưa chia tài sản chung. Tôi khởi kiện đề nghị Tòa án chia tài sản chung là toàn bộ nhà ở, các tài sản trên thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 847110, số vào sổ cấp GCN: CS-00400 ngày 23/9/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh KH cấp cho bà Huỳnh Thị Kim T. Cụ thể tài sản tôi yêu cầu chia như sau:

- Nhà (g): Kết cấu: Nhà cấp 04; móng đá chẻ bê tông cốt thép; tường xây gạch 20cm; 1 gác lửng đúc bê tông cốt thép; mái tôn thép hộp (5x10x1,2); trần nhà lợp la phong thạch cao chìm; có 1 phòng khách, 3 phòng ngủ, 2 nhà vệ sinh; tường ốp gạch men (30cm x 60cm x 130cm). Diện tích 10,76m x 4,59m = 49,39m<sup>2</sup>; Tỷ lệ còn lại: 90%. Đơn giá: 5.534.864 đồng/m<sup>2</sup>. Giá trị: 5.534.864 đồng/m<sup>2</sup> x 49,39m<sup>2</sup> x 90% = 246.030.240 đồng.

- Mái che + Hàng rào + Công (MC): Tổng diện tích: 35,8m<sup>2</sup>; Tỷ lệ còn lại: 90%. Chi tiết:

+ Mái che: Kết cấu: Mái tôn dày 4 zem; cột thép hộp (5x10x1,2). Đơn giá: 1.078.134 đồng/m<sup>2</sup>. Thành tiền: 1.078.134 đồng/m<sup>2</sup> x 35,8m<sup>2</sup> x 90% = 34.737.477 đồng.

+ Hàng rào: Kết cấu: Sử dụng thép hộp (3 x 6 x 1,2); trụ gạch ngang (0,3m x 1,5m), số lượng 2 trụ, tổng chiều dài: 11,4m. Đơn giá: 1.700.431 đồng/m<sup>2</sup>. Thành tiền: 1.700.431 đồng/m<sup>2</sup> x 11,4m x 90% = 17.446.422 đồng.

+ Công: Kết cấu: Sử dụng thép hộp (3 x 6 x 1,2) và (5 x 10 x 1,2); trụ gạch ngang (0,6m x 2,2m), số lượng 02 trụ, diện tích cửa công: 3,4m x 2,2m. Đơn giá: 3.155.839 đồng/2,3md. Thành tiền: 3.155.839 đồng/2,3md x 2 (công dài 4,6m) x 90% = 5.680.510 đồng.

Tổng giá trị tài sản trên đất tôi yêu cầu chia là: 303.894.649 đồng. Tại buổi hòa giải ngày 29/8/2024 tôi xác định thanh toán lại cho bị đơn 50% giá trị tài sản trên đất. Tuy nhiên, để phù hợp yêu cầu khởi kiện ban đầu và vì tình nghĩa nên tôi đồng ý thanh toán lại cho ông Nguyễn Văn M số tiền là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng). Tôi được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất trên thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 847110, số vào sổ cấp GCN: CS-00400 ngày 23/9/2021.

Đối với tài sản là quyền sử dụng đất thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH là tài sản riêng của tôi được bố tôi tặng riêng tôi và tôi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 847110, số vào sổ cấp GCN: CS-00400 ngày 23/9/2021 nên thuộc quyền sử dụng của tôi, không phải tài sản chung vợ chồng.

Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản

gắn liền với đất số CY 847110, số vào sổ cấp GCN: CS-00400 ngày 23/9/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho bà Huỳnh Thị Kim T hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0523/21PGDCR/HĐBĐ ngày 29/9/2021 để bảo đảm cho khoản vay, dư nợ tính đến ngày 10/10/2024 là 280.000.000 đồng nợ gốc và 835.397 đồng nợ lãi. Tôi đồng ý nhận nợ và chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ trên và tiền lãi, phạt phát sinh cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Do khoản nợ vẫn chưa phát sinh nợ xấu, nên tôi không yêu cầu giải quyết việc trả nợ trong vụ án này.

Tôi tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo vẽ, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ. Đã quyết toán với Tòa án và không yêu cầu giải quyết chi phí này.

\* *Bị đơn trình bày:* Tôi và bà Huỳnh Thị Kim T ly hôn theo Bản án số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện K nhưng chúng tôi chưa chia tài sản chung. Bà T khởi kiện chia tài sản chung toàn bộ nhà ở, các tài sản trên thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 847110, số vào sổ cấp GCN: CS-00400 ngày 23/9/2021 tôi không đồng ý. Ý kiến của tôi là để lại tài sản này cho con. Đây là tài sản của tôi, công sức của tôi nên tôi không đồng ý chia chác gì cả.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Cháu Nguyễn Trúc L) trình bày:* Cháu không có ý kiến gì về việc chia tài sản chung của bố mẹ. Cháu đang ở cùng mẹ trên nhà đất trên và đồng ý ý kiến của mẹ. Do cháu còn học nên cháu xin được vắng mặt tại các buổi hòa giải và xét xử của Tòa án liên quan đến vụ án này.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh) trình bày:* Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 847110, số vào sổ cấp GCN: CS-00400 ngày 23/9/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho bà Huỳnh Thị Kim T hiện đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0523/21PGDCR/HĐBĐ ngày 29/9/2021 để bảo đảm cho khoản vay. Dư nợ tính đến ngày 10/10/2024 là 280.000.000 đồng nợ gốc và 835.397 đồng nợ lãi. Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đồng ý việc bà Huỳnh Thị Kim T nhận nợ và chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ, tiền lãi, phạt phát sinh cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Do khoản nợ vẫn chưa phát sinh nợ xấu, nên chúng tôi không yêu cầu giải quyết việc trả nợ trong vụ án này, chúng tôi không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

*Phát biểu tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Sơn kết luận:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (cháu L) vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn có đơn khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn là toàn bộ nhà ở, các tài sản trên thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xác định tài sản chung sau khi ly hôn có yêu cầu chia:

Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Văn M ly hôn theo Bản án số 04/2023/HNGĐ-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện K nhưng chưa chia tài sản chung. Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Văn M có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là toàn bộ nhà ở và các tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH. Đây là tài sản chung của vợ chồng tạo ra trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử xác định toàn bộ nhà ở và các tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH là tài sản chung của bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Văn M theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tài sản chung đã được xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/8/2024 và Biên bản định giá tài sản ngày 19/8/2024. Theo đó, tổng giá trị tài sản là: 303.894.649 đồng, cụ thể như sau:

- Nhà (g): Kết cấu: Nhà cấp 04; móng đá chẻ bê tông cốt thép; tường xây gạch 20cm; 1 gác lửng đúc bê tông cốt thép; mái tôn thép hộp (5x10x1,2); trần nhà lợp la phong thạch cao chìm; có 1 phòng khách, 3 phòng ngủ, 2 nhà vệ sinh; tường ốp gạch men (30cm x 60cm x 130cm). Diện tích 10,76m x 4,59m = 49,39m<sup>2</sup>; Tỷ lệ còn lại: 90%. Đơn giá: 5.534.864 đồng/m<sup>2</sup>. Giá trị: 5.534.864 đồng/m<sup>2</sup> x 49,39m<sup>2</sup> x 90% = 246.030.240 đồng.

- Mái che + Hàng rào + Cổng (MC): Tổng diện tích: 35,8m<sup>2</sup>; Tỷ lệ còn lại: 90%. Chi tiết:

+ Mái che: Kết cấu: Mái tôn dày 4 zem; cột thép hộp (5x10x1,2). Đơn giá: 1.078.134 đồng/m<sup>2</sup>. Thành tiền: 1.078.134 đồng/m<sup>2</sup> x 35,8m<sup>2</sup> x 90% = 34.737.477 đồng.

+ Hàng rào: Kết cấu: Sử dụng thép hộp (3 x 6 x 1,2); trụ gạch ngang (0,3m x 1,5m), số lượng 2 trụ, tổng chiều dài: 11,4m. Đơn giá: 1.700.431 đồng/m<sup>2</sup>. Thành tiền: 1.700.431 đồng/m<sup>2</sup> x 11,4m x 90% = 17.446.422 đồng.

+ Cổng: Kết cấu: Sử dụng thép hộp (3 x 6 x 1,2) và (5 x 10 x 1,2); trụ gạch ngang (0,6m x 2,2m), số lượng 02 trụ, diện tích cửa cổng: 3,4m x 2,2m. Đơn giá:

3.155.839 đồng/2,3md. Thành tiền: 3.155.839 đồng/2,3md x 2 (công dài 4,6m) x 90% = 5.680.510 đồng.

Đối với tài sản là quyền sử dụng đất thừa đất số 26, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH: Đây là tài sản riêng của bà Huỳnh Thị Kim T được tặng cho riêng bà Huỳnh Thị Kim T và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 847110, số vào sổ cấp GCN: CS-00400 ngày 23/9/2021 cho bà Huỳnh Thị Kim T nên là tài sản riêng được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quyền sử dụng đất thừa đất số 26, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH là tài sản riêng của bà Huỳnh Thị Kim T theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn:

Công sức đóng góp của bà Huỳnh Thị Kim T và ông Nguyễn Văn M trong việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung là bằng nhau nên tài sản chung của vợ chồng được chia đôi theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tài sản chung là nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nên không chia được bằng hiện vật. Bà Huỳnh Thị Kim T là người có quyền sử dụng đất, đồng thời là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên giao cho bà Huỳnh Thị Kim T nhận hiện vật và phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn M phần chênh lệch.

Tổng giá trị tài sản là: 303.894.649 đồng, chia đôi mỗi người được nhận phần giá trị là 151.947.324 đồng. Tuy nhiên, bà Huỳnh Thị Kim T đồng ý thanh toán cho ông Nguyễn Văn M số tiền lớn hơn là 240.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Huỳnh Thị Kim T được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 847110, số vào sổ cấp GCN: CS-00400 ngày 23/9/2021 (*nhà đất thể hiện tại Bản vẽ ngày 19/8/2024 của Công ty TNHH Xây dựng Thanh Quang KH*). Bà Huỳnh Thị Kim T được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về nợ chung: Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 847110, số vào sổ cấp GCN: CS-00400 ngày 23/9/2021 đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0523/21PGDCR/HĐBĐ ngày 29/9/2021 để bảo đảm cho khoản vay, dư nợ tính đến ngày 10/10/2024 là 280.000.000 đồng nợ gốc và 835.397 đồng nợ lãi. Bà Huỳnh Thị Kim T và Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đều đồng ý, xác định bà Huỳnh Thị Kim T có trách nhiệm, nghĩa vụ trả nợ gốc, tiền lãi, phạt phát sinh cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ nêu trên. Do đó, không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần giá trị tài sản được chia.

[2.5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **\* Căn cứ:**

- Các Điều 28, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 33, 43 và 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **\* Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chia tài sản chung là nhà ở, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH.

Bà Huỳnh Thị Kim T được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện K, tỉnh KH đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 847110, số vào sổ cấp GCN: CS-00400 ngày 23/9/2021. Bà Huỳnh Thị Kim T được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

*(Bản vẽ ngày 19/8/2024 của Công ty TNHH Xây dựng Thanh Quang KH kèm theo Bản án).*

Bà Huỳnh Thị Kim T thanh toán cho ông Nguyễn Văn M số tiền là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn M phải chịu 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim T phải chịu 7.597.000 đồng (Bảy triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 22.800.000 đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000044 ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh KH. Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí là 15.203.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm không ba nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**\* Quy định chung:**

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Khánh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Khánh Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huy Hoàng**